

Số: 10/2025/QĐST-DS

Khoái Châu, ngày 20 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12/5/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLST - DS ngày 18 tháng 3 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Đồng nguyên đơn:**

- **Công ty cổ phần M** ; Địa chỉ: tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, TP .. Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Công T; chức vụ Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Duy T1; chức vụ Trưởng phòng xử lý nợ;

Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Hồng L; sinh năm 1992, chức vụ Trưởng bộ phận xử lý nợ; Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1998; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Ông Đặng Xuân Đ, sinh năm 1988; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Cùng có địa chỉ: tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, TP ..

- **Ngân hàng TMCP V1**. Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, Đ, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D; chức vụ Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Hoàng L1; chức vụ Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ KHDN và XLN pháp lý;

Người được ủy quyền lại: Ông Đào Tuấn V, sinh năm 2000; Ông Nguyễn Đức L2, sinh năm 2002; đều là chuyên viên xử lý nợ của V2; cùng có địa chỉ: số G phường D, quận C, Hà Nội.

* **Đồng bị đơn:** Anh Ngô Văn H1, sinh năm 1989 và chị Lê Thị T2, sinh năm 1993. Đều trú tại: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Trên cơ sở hợp đồng cho vay số: LN2106113860381 ngày 30/6/2021 và hợp đồng cho vay (áp dụng với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản đảm bảo trên kênh V2) số LD: 2206201120 ngày 03/03/2022 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 (sau đây gọi tắt là V2) với vợ chồng anh Ngô Văn H1, Lê Thị T2; Hợp đồng mua bán nợ số: 18/2024/VPB-MARS và Phụ lục số 01 (mã số: PL01.3/HĐ18) ngày 25/12/2024, giữa Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M) với V2, các bên thống nhất, thỏa thuận như sau:

2.1. Các khoản nợ anh H1, chị T2 phải trả (tính đến ngày 12/5/2025):

*** Nợ công ty M:**

- Nợ gốc: 292.076.971 đồng;
- Nợ lãi: 120.141.558 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 8.409.265 đồng.

Tổng cả gốc và lãi: 420,627,794 (Bốn trăm hai mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng).

*** Nợ V2:**

- Nợ gốc: 32,452,997đồng;
 - Nợ lãi: 13,349,062đồng;
 - Nợ lãi chậm trả: 934,363đồng;
- Tổng cả gốc và lãi: 46,736,422đồng.

2.2. Phương án trả nợ:

Ngay sau khi Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu có hiệu lực pháp luật, anh H1, chị T2 phải thanh toán trả ngay toàn bộ các khoản nợ nêu trên cho Công ty M và V2.

Kể từ ngày 13/05/2025, anh H1 và chị T2 có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán trả Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 (V2) khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ giữa hai bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp anh H1, chị T2 không thanh toán trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo thỏa thuận, thì Công ty M và V2 được quyền phát mại tài sản mà vợ chồng anh H1, chị T2 đã thế chấp tại V3 để thu hồi nợ, cụ thể: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 4, tờ bản đồ số: 26, địa chỉ: Thôn

P, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC483286, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00210 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 06/06/2011; cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 25/05/2021.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ, thì anh H1, chị T2 còn tiếp tục trả nợ cho V2 và Công ty M cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về án phí:

- Các bên thống nhất, anh H1 và chị T2 chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + $(4\% \times 67.364.216\text{đ} = 2.694.000\text{đ}) \times 50\% = 11.347.000\text{đ}$ (Mười một triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Trả lại Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.800.000 đồng (Chín triệu, tám trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002483, ngày 18/3/2025, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu;

- Trả lại V2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu, trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002485, ngày 18/3/2025, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

2.4. Về chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được quy định theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- Lưu HSVA.

Lê Trung K